

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ
KHOA RĂNG HÀM MẶT
LIÊN BỘ MÔN CHỮA RĂNG - NỘI NHA - TIA X**



**SỔ CHỈ TIÊU THỰC TẬP LÂM SÀNG
SAU ĐẠI HỌC**

CHỨNG CHỈ CHỮA RĂNG NỘI NHA

NĂM HỌC:

LỚP:NIÊN KHÓA:.....

HỌ TÊN HỌCVIÊN:.....

MSHV:..... NHÓM:

QUI ĐỊNH CHUNG

- Không hoàn thành chỉ tiêu đúng hạn: nhận điểm 0 thi lần 1, chỉ tiêu cũ sẽ bị huỷ. Điểm lần 2 sẽ tính ở học kỳ kế tiếp khi hoàn thành chỉ tiêu mới.

- Đối với các chỉ tiêu trên bệnh nhân: phải có sổ chỉ tiêu có chữ kí từng giai đoạn của các cán bộ hướng dẫn được phân công kèm bệnh án photo trùng khớp và hình ảnh đạt chất lượng của phim X quang, hình chụp bệnh nhân trong quá trình điều trị. Chỉ tiêu được tính khi chính học viên hoàn thành các giai đoạn chính của điều trị.

- Tùy vào tình hình thực tế, bộ môn sẽ có thông báo qui đổi chứng chỉ thực hành hand-on nội nha được cấp bởi Trung tâm đào tạo liên tục của Trường thành chỉ tiêu tương xứng.

- Ngày nộp chỉ tiêu: theo kế hoạch đào tạo đã gửi dưới dạng file mềm và file giấy về bộ môn đúng hạn.

CHỈ TIÊU THỰC TẬP

STT	Nội dung chỉ tiêu Đối tượng	CKI	CAO HỌC	NỘI TRÚ
1	Bệnh án – Trình bệnh án	2ca/1hv – trình 1 b/a	2ca/1hv – trình 1 b/a	3ca/1hv – trình 1 b/a
2	Điều trị nội nha răng có sang thương quanh chóp	03	02	03
3	Điều trị nội nha lại: 1 răng cối lớn hoặc 4 răng cối nhỏ hoặc 4 răng cửa.	02	01	02
4	Tẩy trắng răng tại ghế	01	01	01
5	Trám mòn răng, sâu cổ răng, xoang IV lớn	04	02	04

XÁC NHẬN ĐI THỰC TẬP LÂM SÀNG

STT	Buổi, Ngày	Cán bộ hướng dẫn	Kí tên
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			
21			
22			
23			
24			
25			
26			
27			
28			
29			
30			

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU THỰC TẬP NỘI NHA

HỌ TÊN BN:.....SĐT:.....

Ngày điều trị đầu tiên:.....Số bệnh án:.....

Răng:.....Lí do đến khám:.....

T T	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Chữ kí CB HD
1	<p>Chẩn đoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triệu chứng: - Tiền sử dị ứng:..... - Bệnh toàn thân:..... - Thử nghiệm tủy: - Hình ảnh X quang: - Chẩn đoán:..... <p><u>Cần hỏi BN các bệnh lí (tiểu đường, cao huyết áp, viêm khớp, xa tri, cơ địa dị ứng)</u> <u>Đối với BN nữ cần hỏi thêm tình trạng kinh nguyệt, mang thai,...</u></p>	2.0		
2	<p>Mở tủy</p> <p><u>Trước khi gây tê hỏi BN về tiền sử dị ứng thuốc tê</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp gây tê:..... - Tên thuốc tê:..... - Số ống thuốc tê dùng:..... - Đúng vị trí, lỗ mở đúng hình dạng tương ứng răng, không xâm phạm mô răng. - Lấy sạch sừng tủy, có lõi thẳng vào ống tủy. - Lấy sạch chất bít tủy cũ (nếu có) 	2.0		
3	<p>Trám tái tạo thân răng</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không tái tạo trước khi sửa soạn trừ 2 điếm</u> 			
4	<p>Xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống tủy 1:....., L1=.....mm 	1.0		

	chiều dài làm việc (kèm phim) - Có thể kết hợp máy định vị chóp.	Điểm mốc:..... - Ống tủy 2:....., L2=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 3:....., L3=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 4:....., L4=.....mm Điểm mốc:..... -Số phim đã chụp:			
5	Sửa soạn ống tủy - Đứng CDLV - Thuôn và thoát. - Có điểm thất chóp.	- Phương pháp sửa soạn: - Loại trám:..... -Trám sau cùng: +Ống 1:...., độ thuôn trám:% +Ống 2:...., độ thuôn trám:% +Ống 3:...., độ thuôn trám:% +Ống 4:...., độ thuôn trám:% *Lêch đường đi trừ 3đ	2.0		
6	Bơm rửa	- Sạch vụn tủy, ngà mùn - Bơm rửa không đúng và không đủ trừ 1 điểm mỗi buổi			
7	Thử cone (kèm phim) - Đủ CDLV	- Cone chính số: +Ống 1:..... cone:..... +Ống 2:..... cone:..... +Ống 3:..... cone:..... +Ống 4:..... cone:..... -Số phim đã chụp:	1.0		
8	Trám bít ống tủy (kèm phim)	-Số phim đã chụp: - Đủ CDLV - Kín chặt theo chiều ngang và chiều dọc - Cắt cone ngang lỗ mở tủy - Lấy sạch xi măng trên buồng tủy <u>Chưa đủ CDLV/ Quá chóp > 1mm trừ 2 điểm</u>	2.0		
9	Trám kết	Điều kiện để tổng kết điểm			

	thức/bọc mão	(đạt/không đạt)			
--	-------------------------	-----------------	--	--	--

10	Vệ sinh, vô trùng	<u>Không bảo đảm vô khuẩn, mỗi buổi trừ 2 điểm</u>			
11	Chụp phim	<u>Dư 1 tấm phim trừ 1 điểm mỗi tấm</u>			
12	Số lần hẹn	<u>Trên 7 lần hẹn (nếu CBG không duyệt kế hoạch): trừ 4 điểm</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

❖ **Lưu ý:**

1. Trường hợp làm thủng răng trừ 4 điểm

2. Nội chỉ tiêu cuối môn gồm

- Sổ chỉ tiêu có chữ kí của các cán bộ giảng ở từng giai đoạn điều trị
- Bệnh án photo trùng khớp với ca điều trị
- Hình ảnh trong miệng và X quang từng giai đoạn có chất lượng rõ, đẹp.
- Chỉ tiêu chỉ được tính khi chính học viên hoàn thành các giai đoạn chính của điều trị.

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU THỰC TẬP NỘI NHA

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Ngày điều trị đầu tiên:.....Số bệnh án:.....

Răng:.....Lí do đến khám:.....

T T	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Chữ kí CB HD
1	<p>Chẩn đoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triệu chứng: - Tiền sử dị ứng:..... - Bệnh toàn thân:..... - Thử nghiệm tủy: - Hình ảnh X quang: - Chẩn đoán:..... <p><u>Cần hỏi BN các bệnh lí (tiểu đường, cao huyết áp, viêm khớp, xa tri, cơ địa dị ứng)</u> <u>Đối với BN nữ cần hỏi thêm tình trạng kinh nguyệt, mang thai,...</u></p>	2.0		
2	<p>Mở tủy</p> <p><u>Trước khi gây tê hỏi BN về tiền sử dị ứng thuốc tê</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp gây tê:..... - Tên thuốc tê:..... - Số ống thuốc tê dùng:..... - Đúng vị trí, lỗ mở đúng hình dạng tương ứng răng, không xâm phạm mô răng. - Lấy sạch sừng tủy, có lõi thẳng vào ống tủy. - Lấy sạch chất bít tủy cũ (nếu có) 	2.0		
3	<p>Trám tái tạo thân răng</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không tái tạo trước khi sửa soạn trừ 2 điếm</u> 			
4	<p>Xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống tủy 1:....., L1=.....mm 	1.0		

	chiều dài làm việc (kèm phim) - Có thể kết hợp máy định vị chóp.	Điểm mốc:..... - Ống tủy 2:....., L2=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 3:....., L3=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 4:....., L4=.....mm Điểm mốc:..... -Số phim đã chụp:			
5	Sửa soạn ống tủy CDLV - Thuôn và thoát. - Có điểm thất chóp.	- Phương pháp sửa soạn: - Loại trám:..... -Trám sau cùng: +Ống 1:...., độ thuôn trám:% +Ống 2:...., độ thuôn trám:% +Ống 3:...., độ thuôn trám:% +Ống 4:...., độ thuôn trám:% * <u>Lệch đường đi trừ 3đ</u>	2.0		
6	Bơm rửa	- Sạch vụn tủy, ngà mùn - <u>Bơm rửa không đúng và không đủ trừ 1 điểm mỗi buổi</u>			
7	Thử cone (kèm phim) - Đủ CDLV	- Cone chính số: +Ống 1:..... cone:..... +Ống 2:..... cone:..... +Ống 3:..... cone:..... +Ống 4:..... cone:..... -Số phim đã chụp:	1.0		
8	Trám bít ống tủy (kèm phim)	-Số phim đã chụp: - Đủ CDLV - Kín chặt theo chiều ngang và chiều dọc - Cắt cone ngang lỗ mở tủy - Lấy sạch xi măng trên buồng tủy <u>Chưa đủ CDLV/ Quá chóp > 1mm trừ 2 điểm</u>	2.0		
9	Trám kết	Điều kiện để tổng kết điểm			

	thức/bọc mão	(đạt/không đạt)			
--	-------------------------	-----------------	--	--	--

10	Vệ sinh, vô trùng	<u>Không bảo đảm vô khuẩn, mỗi buổi trừ 2 điểm</u>			
11	Chụp phim	<u>Dư 1 tấm phim trừ 1 điểm mỗi tấm</u>			
12	Số lần hẹn	<u>Trên 7 lần hẹn (nếu CBG không duyệt kế hoạch): trừ 4 điểm</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

❖ **Lưu ý:**

1. Trường hợp làm hỏng răng trừ 4 điểm

2. Nội chỉ tiêu cuối môn gồm

- Sổ chỉ tiêu có chữ kí của các cán bộ giảng ở từng giai đoạn điều trị
- Bệnh án photo trùng khớp với ca điều trị
- Hình ảnh trong miệng và X quang từng giai đoạn có chất lượng rõ, đẹp.
- Chỉ tiêu chỉ được tính khi chính học viên hoàn thành các giai đoạn chính của điều trị.

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU THỰC TẬP NỘI NHA

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Ngày điều trị đầu tiên:.....Số bệnh án:.....

Răng:.....Lí do đến khám:.....

T T	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Chữ kí CB HD
1	<p>Chẩn đoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triệu chứng: - Tiền sử dị ứng:..... - Bệnh toàn thân:..... - Thử nghiệm tủy: - Hình ảnh X quang: - Chẩn đoán:..... <p><u>Cần hỏi BN các bệnh lí (tiểu đường, cao huyết áp, viêm khớp, xa tri, cơ địa dị ứng)</u> <u>Đối với BN nữ cần hỏi thêm tình trạng kinh nguyệt, mang thai,...</u></p>	2.0		
2	<p>Mở tủy</p> <p><u>Trước khi gây tê hỏi BN về tiền sử dị ứng thuốc tê</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp gây tê:..... - Tên thuốc tê:..... - Số ống thuốc tê dùng:..... - Đúng vị trí, lỗ mở đúng hình dạng tương ứng răng, không xâm phạm mô răng. - Lấy sạch sừng tủy, có lõi thẳng vào ống tủy. - Lấy sạch chất bít tủy cũ (nếu có) 	2.0		
3	<p>Trám tái tạo thân răng</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không tái tạo trước khi sửa soạn trừ 2 điểm</u> 			
4	<p>Xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống tủy 1:....., L1=.....mm 	1.0		

	chiều dài làm việc (kèm phim) - Có thể kết hợp máy định vị chóp.	Điểm mốc:..... - Ống tủy 2:....., L2=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 3:....., L3=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 4:....., L4=.....mm Điểm mốc:..... -Số phim đã chụp:			
5	Sửa soạn ống tủy - Đứng CDLV - Thuôn và thoát. - Có điểm thất chóp.	- Phương pháp sửa soạn: - Loại trám:..... -Trám sau cùng: +Ống 1:...., độ thuôn trám:% +Ống 2:...., độ thuôn trám:% +Ống 3:...., độ thuôn trám:% +Ống 4:...., độ thuôn trám:% *Lêch đường đi trừ 3đ	2.0		
6	Bơm rửa	- Sạch vụn tủy, ngà mùn - Bơm rửa không đúng và không đủ trừ 1 điểm mỗi buổi			
7	Thử cone (kèm phim) - Đủ CDLV	- Cone chính số: +Ống 1:..... cone:..... +Ống 2:..... cone:..... +Ống 3:..... cone:..... +Ống 4:..... cone:..... -Số phim đã chụp:	1.0		
8	Trám bít ống tủy (kèm phim)	-Số phim đã chụp: - Đủ CDLV - Kín chặt theo chiều ngang và chiều dọc - Cắt cone ngang lỗ mở tủy - Lấy sạch xi măng trên buồng tủy <u>Chưa đủ CDLV/ Quá chóp > 1mm trừ 2 điểm</u>	2.0		
9	Trám kết	Điều kiện để tổng kết điểm			

	thức/bọc mão	(đạt/không đạt)			
--	-------------------------	-----------------	--	--	--

10	Vệ sinh, vô trùng	<u>Không bảo đảm vô khuẩn, mỗi buổi trừ 2 điểm</u>			
11	Chụp phim	<u>Dư 1 tấm phim trừ 1 điểm mỗi tấm</u>			
12	Số lần hẹn	<u>Trên 7 lần hẹn (nếu CBG không duyệt kế hoạch): trừ 4 điểm</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

❖ **Lưu ý:**

1. Trường hợp làm hỏng răng trừ 4 điểm

2. Nội chỉ tiêu cuối môn gồm

- Sổ chỉ tiêu có chữ kí của các cán bộ giảng ở từng giai đoạn điều trị
- Bệnh án photo trùng khớp với ca điều trị
- Hình ảnh trong miệng và X quang từng giai đoạn có chất lượng rõ, đẹp.
- Chỉ tiêu chỉ được tính khi chính học viên hoàn thành các giai đoạn chính của điều trị.

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU THỰC TẬP NỘI NHA

HỌ TÊN BN:.....SĐT:.....

Ngày điều trị đầu tiên:.....Số bệnh án:.....

Răng:.....Lí do đến khám:.....

T T	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Chữ kí CB HD
1	<p>Chẩn đoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triệu chứng: - Tiền sử dị ứng:..... - Bệnh toàn thân:..... - Thử nghiệm tủy: - Hình ảnh X quang: - Chẩn đoán:..... <p><u>Cần hỏi BN các bệnh lí (tiểu đường, cao huyết áp, viêm khớp, xa tri, cơ địa dị ứng)</u> <u>Đối với BN nữ cần hỏi thêm tình trạng kinh nguyệt, mang thai,...</u></p>	2.0		
2	<p>Mở tủy</p> <p><u>Trước khi gây tê hỏi BN về tiền sử dị ứng thuốc tê</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp gây tê:..... - Tên thuốc tê:..... - Số ống thuốc tê dùng:..... - Đúng vị trí, lỗ mở đúng hình dạng tương ứng răng, không xâm phạm mô răng. - Lấy sạch sừng tủy, có lõi thẳng vào ống tủy. - Lấy sạch chất bít tủy cũ (nếu có) 	2.0		
3	<p>Trám tái tạo thân răng</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không tái tạo trước khi sửa soạn trừ 2 điếm</u> 			
4	<p>Xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống tủy 1:....., L1=.....mm 	1.0		

	chiều dài làm việc (kèm phim) - Có thể kết hợp máy định vị chóp.	Điểm mốc:..... - Ống tủy 2:....., L2=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 3:....., L3=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 4:....., L4=.....mm Điểm mốc:..... -Số phim đã chụp:			
5	Sửa soạn ống tủy - Đứng CDLV - Thuôn và thoát. - Có điểm thất chóp.	- Phương pháp sửa soạn:, - Loại trám:..... -Trám sau cùng: +Ống 1:...., độ thuôn trám:% +Ống 2:...., độ thuôn trám:% +Ống 3:...., độ thuôn trám:% +Ống 4:...., độ thuôn trám:% *Lêch đường đi trừ 3đ	2.0		
6	Bơm rửa	- Sạch vụn tủy, ngà mùn - Bơm rửa không đúng và không đủ trừ 1 điểm mỗi buổi			
7	Thử cone (kèm phim) - Đủ CDLV	- Cone chính số: +Ống 1:..... cone:..... +Ống 2:..... cone:..... +Ống 3:..... cone:..... +Ống 4:..... cone:..... -Số phim đã chụp:	1.0		
8	Trám bít ống tủy (kèm phim)	-Số phim đã chụp: - Đủ CDLV - Kín chặt theo chiều ngang và chiều dọc - Cắt cone ngang lỗ mở tủy - Lấy sạch xi măng trên buồng tủy Chưa đủ CDLV/ Quá chóp > 1mm trừ 2 điểm	2.0		
9	Trám kết	Điều kiện để tổng kết điểm			

	thức/bọc mão	(đạt/không đạt)			
--	-------------------------	-----------------	--	--	--

10	Vệ sinh, vô trùng	<u>Không bảo đảm vô khuẩn, mỗi buổi trừ 2 điểm</u>			
11	Chụp phim	<u>Dư 1 tấm phim trừ 1 điểm mỗi tấm</u>			
12	Số lần hẹn	<u>Trên 7 lần hẹn (nếu CBG không duyệt kế hoạch): trừ 4 điểm</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

❖ **Lưu ý:**

1. Trường hợp làm thùng rỗng trừ 4 điểm

2. Nội chỉ tiêu cuối môn gồm

- Sổ chỉ tiêu có chữ kí của các cán bộ giảng ở từng giai đoạn điều trị
- Bệnh án photo trùng khớp với ca điều trị
- Hình ảnh trong miệng và X quang từng giai đoạn có chất lượng rõ, đẹp.
- Chỉ tiêu chỉ được tính khi chính học viên hoàn thành các giai đoạn chính của điều trị.

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU THỰC TẬP NỘI NHA

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Ngày điều trị đầu tiên:.....Số bệnh án:.....

Răng:.....Lí do đến khám:.....

T T	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Chữ kí CB HD
1	<p>Chẩn đoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triệu chứng: - Tiền sử dị ứng:..... - Bệnh toàn thân:..... - Thử nghiệm tủy: - Hình ảnh X quang: - Chẩn đoán:..... <p><u>Cần hỏi BN các bệnh lí (tiểu đường, cao huyết áp, viêm khớp, xa tri, cơ địa dị ứng)</u> <u>Đối với BN nữ cần hỏi thêm tình trạng kinh nguyệt, mang thai,...</u></p>	2.0		
2	<p>Mở tủy</p> <p><u>Trước khi gây tê hỏi BN về tiền sử dị ứng thuốc tê</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp gây tê:..... - Tên thuốc tê:..... - Số ống thuốc tê dùng:..... - Đúng vị trí, lỗ mở đúng hình dạng tương ứng răng, không xâm phạm mô răng. - Lấy sạch sừng tủy, có lõi thẳng vào ống tủy. - Lấy sạch chất bít tủy cũ (nếu có) 	2.0		
3	<p>Trám tái tạo thân răng</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không tái tạo trước khi sửa soạn trừ 2 điếm</u> 			
4	<p>Xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống tủy 1:....., L1=.....mm 	1.0		

	chiều dài làm việc (kèm phim) - Có thể kết hợp máy định vị chóp.	Điểm mốc:..... - Ống tủy 2:....., L2=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 3:....., L3=.....mm Điểm mốc:..... - Ống tủy 4:....., L4=.....mm Điểm mốc:..... -Số phim đã chụp:			
5	Sửa soạn ống tủy CDLV - Thuôn và thoát. - Có điểm thất chóp.	- Phương pháp sửa soạn:	2.0		
6	Bơm rửa	- Loại trâm:..... - Trâm sau cùng: +Ống 1:...., độ thuôn trâm:% +Ống 2:...., độ thuôn trâm:% +Ống 3:...., độ thuôn trâm:% +Ống 4:...., độ thuôn trâm:% *Lêch đường đi trừ 3đ			
7	Thử cone (kèm phim) - Đủ CDLV	- Sạch vụn tủy, ngà mùn - Bơm rửa không đúng và không đủ trừ 1 điểm mỗi buổi	1.0		
8	Trám bít ống tủy (kèm phim)	- Cone chính số: +Ống 1:..... cone:..... +Ống 2:..... cone:..... +Ống 3:..... cone:..... +Ống 4:..... cone:..... -Số phim đã chụp:	2.0		
9	Trám kết	- Đủ CDLV - Kín chặt theo chiều ngang và chiều dọc - Cắt cone ngang lỗ mở tủy - Lấy sạch xi măng trên buồng tủy Chưa đủ CDLV/ Quá chóp > 1mm trừ 2 điểm			
		Điều kiện để tổng kết điểm			

	thức/bọc mão	(đạt/không đạt)			
--	-------------------------	-----------------	--	--	--

10	Vệ sinh, vô trùng	<u>Không bảo đảm vô khuẩn, mỗi buổi trừ 2 điểm</u>			
11	Chụp phim	<u>Dư 1 tấm phim trừ 1 điểm mỗi tấm</u>			
12	Số lần hẹn	<u>Trên 7 lần hẹn (nếu CBG không duyệt kế hoạch): trừ 4 điểm</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

❖ **Lưu ý:**

1. Trường hợp làm hỏng răng trừ 4 điểm

2. Nội chỉ tiêu cuối môn gồm

- Sổ chỉ tiêu có chữ kí của các cán bộ giảng ở từng giai đoạn điều trị
- Bệnh án photo trùng khớp với ca điều trị
- Hình ảnh trong miệng và X quang từng giai đoạn có chất lượng rõ, đẹp.
- Chỉ tiêu chỉ được tính khi chính học viên hoàn thành các giai đoạn chính của điều trị.

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TRÁM RĂNG XOANG V

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Số bệnh án:.....Ngày điều trị:..... Răng:.....

Lí do trám răng:.....

TT	Nội dung		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận của CBHD
1	Chẩn đoán	-Triệu chứng: - Chẩn đoán: -Vị trí (trên/ngang/ dưới nướu): - Độ rộng:mm - Độ sâu:mm	1		
2	Vật men	-Đường vật men (dài/ngắn):,mm	1		
3	Đặt chỉ co nướu	-Nằm gọn trong khe nướu. -Bộc lộ rõ bờ dưới sang thương. -Không làm rách nướu.	2		
4	Cô lập nước bọt	- Đặt gòn cách ly và hút nước bọt phù hợp	1		
5	Trám và điêu khắc	- Hình dạng đúng giải phẫu, độ cong lồi cổ răng -Đường viền miêng trám liên tục với mô răng. - Không bị thiếu, bọt.	3		
6	Làm láng và đánh bóng	- Đánh bóng đầy đủ, tron láng.	2		
7	Vệ sinh	<u>Không đảm bảo vô khuẩn trừ 2 điểm</u>			
8	Cán bộ yêu cầu tháo ra làm lại	<u>Trừ 2 điểm mỗi lần</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TRÁM RĂNG XOANG IV BẢNG COMPOSITE

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Số bệnh án:.....Ngày điều trị:..... Răng:.....

Lí do trám răng:.....

TT	Nội dung		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận CBHD
1	Chẩn đoán	-Triệu chứng:..... - Chẩn đoán: - Vị trí xoang: -Kích thước xoang: Ngoài trong:.....mm, Gần- xa:....mm, Nhai- nước:.....mm	2		
3	Tạo xoang, lấy sạch ngà hoại tử	- Lấy sạch mô sâu hoại tử - Loại bỏ phần mô răng màu đen gây ảnh hưởng thẩm mỹ.	1		
4	Vật men	-Đường vạt đủ độ rộng và độ sâu.	1		
5	Cô lập, xử lý mô răng	- Cô lập răng trám khỏi nước bọt tốt. - Etching và bonding, chiều đèn đúng kỹ thuật. <u>Không cách lí xoang trừ 2 điểm</u>	2		
6	Trám và điêu khắc	- Đúng giải phẫu răng cần trám - Không bị thiếu hay bọt - Đạt yêu cầu thẩm mỹ về màu sắc, đồng nhất màu với mô răng lân cận. -Đường viền miếng trám liên tục với mô răng.	3		
7	Làm láng và đánh bóng	- Đánh bóng đầy đủ	1		
8	Vệ sinh	<u>Không đảm bảo vệ sinh trừ 2đ</u>			
10	Cán bộ yêu cầu làm lại	<u>Trừ 2 điểm mỗi lần</u>			
	TỔNG		10		

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TRÁM RĂNG XOANG V

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Số bệnh án:.....Ngày điều trị:..... Răng:.....

Lí do trám răng:.....

TT	Nội dung		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận của CBHD
1	Chẩn đoán	-Triệu chứng: - Chẩn đoán: -Vị trí (trên/ngang/ dưới nướu): - Độ rộng:mm - Độ sâu:mm	1		
2	Vạt men	-Đường vạt men (dài/ngắn):,mm	1		
3	Đặt chỉ co nướu	-Nằm gọn trong khe nướu. -Bộc lộ rõ bờ dưới sang thương. -Không làm rách nướu.	2		
4	Cô lập nước bọt	- Đặt gọn cách ly và hút nước bọt phù hợp	1		
5	Trám và điêu khắc	- Hình dạng đúng giải phẫu, độ cong lồi cổ răng -Đường viền miêng trám liên tục với mô răng. - Không bị thiếu, bọt.	3		
6	Làm láng và đánh bóng	- Đánh bóng đầy đủ, trơn láng.	2		
7	Vệ sinh	<u>Không đảm bảo vô khuẩn trừ 2 điểm</u>			
8	Cán bộ yêu cầu tháo ra làm lại	<u>Trừ 2 điểm mỗi lần</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TRÁM RĂNG XOANG IV BẰNG COMPOSITE

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....
 Số bệnh án:.....Ngày điều trị:..... Răng:.....
 Lý do trám răng:.....

TT	Nội dung		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận CBHD
1	Chẩn đoán	-Triệu chứng:..... - Chẩn đoán: - Vị trí xoang: -Kích thước xoang: Ngoài trong:.....mm, Gần- xa:....mm, Nhai- nước:.....mm	2		
3	Tạo xoang, lấy sạch ngà hoại tử	- Lấy sạch mô sâu hoại tử - Loại bỏ phần mô răng màu đen gây ảnh hưởng thẩm mỹ.	1		
4	Vật men	-Đường vật đủ độ rộng và độ sâu.	1		
5	Cô lập, xử lý mô răng	- Cô lập răng trám khỏi nước bọt tốt. - Etching và bonding, chiều đèn đúng kỹ thuật. <u>Không cách lí xoang trừ 2 điểm</u>	2		
6	Trám và điêu khắc	- Đúng giải phẫu răng cần trám - Không bị thiếu hay bọt - Đạt yêu cầu thẩm mỹ về màu sắc, đồng nhất màu với mô răng lân cận. -Đường viền miếng trám liên tục với mô răng.	3		
7	Làm láng và đánh bóng	- Đánh bóng đầy đủ	1		
8	Vệ sinh	<u>Không đảm bảo vệ sinh trừ 2đ</u>			
10	Cán bộ yêu cầu làm lại	<u>Trừ 2 điểm mỗi lần</u>			
	TỔNG		10		

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TRÁM RĂNG XOANG V

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Số bệnh án:.....Ngày điều trị:..... Răng:.....

Lí do trám răng:.....

TT	Nội dung		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận của CBHD
1	Chẩn đoán	- Triệu chứng: - Chẩn đoán: - Vị trí (trên/ngang/ dưới nướu): - Độ rộng:mm - Độ sâu:mm	1		
2	Vạt men	- Đường vạt men (dài/ngắn):,mm	1		
3	Đặt chỉ co nướu	-Nằm gọn trong khe nướu. -Bộc lộ rõ bờ dưới sang thương. -Không làm rách nướu.	2		
4	Cô lập nước bọt	- Đặt gòn cách ly và hút nước bọt phù hợp	1		
5	Trám và điêu khắc	- Hình dạng đúng giải phẫu, độ cong lồi cổ răng -Đường viền miêng trám liên tục với mô răng. - Không bị thiếu, bọt.	3		
6	Làm láng và đánh bóng	- Đánh bóng đầy đủ, trơn láng.	2		
7	Vệ sinh	<u>Không đảm bảo vô khuẩn trừ 2 điểm</u>			
8	Cán bộ yêu cầu tháo ra làm lại	<u>Trừ 2 điểm mỗi lần</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TRÁM RĂNG XOANG IV BẰNG COMPOSITE

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....
 Số bệnh án:.....Ngày điều trị:..... Răng:.....
 Lý do trám răng:.....

TT	Nội dung		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận CBHD
1	Chẩn đoán	-Triệu chứng:..... - Chẩn đoán: - Vị trí xoang: -Kích thước xoang: Ngoài trong:.....mm, Gần- xa:....mm, Nhai- nước:.....mm	2		
3	Tạo xoang, lấy sạch ngà hoại tử	- Lấy sạch mô sâu hoại tử - Loại bỏ phần mô răng màu đen gây ảnh hưởng thẩm mỹ.	1		
4	Vật men	-Đường vật đủ độ rộng và độ sâu.	1		
5	Cô lập, xử lý mô răng	- Cô lập răng trám khỏi nước bọt tốt. - Etching và bonding, chiều đèn đúng kỹ thuật. <u>Không cách lí xoang trừ 2 điểm</u>	2		
6	Trám và điêu khắc	- Đúng giải phẫu răng cần trám - Không bị thiếu hay bọt - Đạt yêu cầu thẩm mỹ về màu sắc, đồng nhất màu với mô răng lân cận. -Đường viền miếng trám liên tục với mô răng.	3		
7	Làm láng và đánh bóng	- Đánh bóng đầy đủ	1		
8	Vệ sinh	<u>Không đảm bảo vệ sinh trừ 2đ</u>			
10	Cán bộ yêu cầu làm lại	<u>Trừ 2 điểm mỗi lần</u>			
	TỔNG		10		

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TRÁM RĂNG XOANG V

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Số bệnh án:.....Ngày điều trị:..... Răng:.....

Lí do trám răng:.....

TT	Nội dung		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận của CBHD
1	Chẩn đoán	-Triệu chứng: - Chẩn đoán: -Vị trí (trên/ngang/ dưới nướu): - Độ rộng:mm - Độ sâu:mm	1		
2	Vạt men	-Đường vạt men (dài/ngắn):,mm	1		
3	Đặt chỉ co nướu	-Nằm gọn trong khe nướu. -Bộc lộ rõ bờ dưới sang thương. -Không làm rách nướu.	2		
4	Cô lập nước bọt	- Đặt gòn cách ly và hút nước bọt phù hợp	1		
5	Trám và điêu khắc	- Hình dạng đúng giải phẫu, độ cong lồi cổ răng -Đường viền miêng trám liên tục với mô răng. - Không bị thiếu, bọt.	3		
6	Làm láng và đánh bóng	- Đánh bóng đầy đủ, trơn láng.	2		
7	Vệ sinh	<u>Không đảm bảo vô khuẩn trừ 2 điểm</u>			
8	Cán bộ yêu cầu tháo ra làm lại	<u>Trừ 2 điểm mỗi lần</u>			
	TỔNG ĐIỂM		10		

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TRÁM RĂNG XOANG IV BẰNG COMPOSITE

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Số bệnh án:.....Ngày điều trị:..... Răng:.....

Lí do trám răng:.....

TT	Nội dung		Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận CBHD
1	Chẩn đoán	-Triệu chứng:..... - Chẩn đoán: - Vị trí xoang: -Kích thước xoang: Ngoài trong:.....mm, Gần- xa:....mm, Nhai- nước:.....mm	2		
3	Tạo xoang, lấy sạch ngà hoại tử	- Lấy sạch mô sâu hoại tử - Loại bỏ phần mô răng màu đen gây ảnh hưởng thẩm mỹ.	1		
4	Vật men	-Đường vật đủ độ rộng và độ sâu.	1		
5	Cô lập, xử lý mô răng	- Cô lập răng trám khỏi nước bọt tốt. - Etching và bonding, chiều đèn đúng kỹ thuật. <u>Không cách lí xoang trừ 2 điểm</u>	2		
6	Trám và điêu khắc	- Đúng giải phẫu răng cần trám - Không bị thiếu hay bọt - Đạt yêu cầu thẩm mỹ về màu sắc, đồng nhất màu với mô răng lân cận. -Đường viền miếng trám liên tục với mô răng.	3		
7	Làm láng và đánh bóng	- Đánh bóng đầy đủ	1		
8	Vệ sinh	<u>Không đảm bảo vệ sinh trừ 2đ</u>			
10	Cán bộ yêu cầu làm lại	<u>Trừ 2 điểm mỗi lần</u>			
	TỔNG		10		

BẢNG KIỂM CHỈ TIÊU TẮY TRẮNG RĂNG TẠI GHẾ

HỌ TÊN BN:.....SDT:.....

Số bệnh án:..... Lí do tẩy trắng:.....

Ngày điều trị đầu tiên:..... Ngày kết thúc điều trị:.....

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Xác nhận CBHD
1	Bệnh án - Tình trạng R (<i>sâu, nhạy cảm ngà, mòn cổ, ...</i>):..... - Tiền sử dị ứng :..... - Chẩn đoán nguyên nhân đổi màu răng :..... - Chỉ định loại thuốc tẩy:	2		
2	Điều trị trước tẩy trắng 1. Cao vôi răng, đánh bóng 2. Trám răng sâu (nếu có) 3. Điều trị nhạy cảm ngà 4. So màu trước tẩy :..... 5. Chụp hình trước tẩy kèm cây so màu	2		
3	Cô lập răng - Che nướu kín, độ cao vùng che nướu trên 3mm. - Cô lập gòn thích hợp đáy hành lang và dưới lưỡi. - Hút nước bọt thích hợp.	3		
4	Tẩy trắng - Đặt thuốc tẩy lên răng không tràn ra khỏi vùng cô lập, không gây phỏng nướu. - Tuân thủ qui trình tẩy của nhà sản xuất. - Số chu kỳ tẩy: - So màu sau tẩy: - Chụp hình ngay sau tẩy có cây so màu.	3		
5	Vệ sinh <u>Không bảo đảm vệ sinh trừ 2 điểm</u>			
	TỔNG ĐIỂM	10		